

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 03 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định
giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14
tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số
điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC
ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số

177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1377/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Bến Tre

1. Bổ sung vào Phần B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND như sau:

Phụ lục II

GIÁ TỐI ĐA ĐỐI VỚI DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐÒ, PHÀ ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Bến Tre)

B. BẾN PHÀ

...

III. Bến phà Sơn Phú (từ ấp 1 xã Sơn Phú qua ấp 3 xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm; cự ly 800 mét)

STT	Đối tượng	Mức giá tối đa (đồng/lượt)
1	Hành khách đi bộ	2,000
2	Hành khách đi xe đạp	3,000
3	Hành khách đi xe mô tô, xe gắn máy 02 bánh	6,000
4	Xe mô tô 03 bánh không chở hàng hóa	12,000
5	Xe mô tô 03 bánh có chở hàng hóa	15,000
6	Xe ô tô 4 - 6 chỗ	39,000
7	Xe ô tô 7 - 9 chỗ	46,000
8	Xe tải 01 tấn	56,000
9	Xe tải trên 01 tấn đến 1,5 tấn	60,000
10	Xe tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn	70,000

11	Hành khách đi bộ mua vé tháng	50.000
12	Hành khách đi xe đạp mua vé tháng	100.000
13	Hành khách đi xe mô tô, xe gắn máy mua vé tháng	150.000

IV. Bến phà Bao Ngạn áp 5 (từ áp Quý Bình B, xã Thạnh Phú Đông qua áp Quý Điền A, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm; cự ly 800 mét)

STT	Đối tượng	Mức giá tối đa (đồng/lượt)
1	Hành khách đi bộ	2,000
2	Hành khách đi xe đạp	3,000
3	Hành khách đi xe mô tô, xe gắn máy 02 bánh	6,000
4	Xe mô tô 03 bánh không chở hàng hóa	12,000
5	Xe mô tô 03 bánh có chở hàng hóa	15,000
6	Xe ô tô 4 - 6 chỗ	39,000
7	Xe ô tô 7 - 9 chỗ	46,000
8	Xe tải 01 tấn	56,000
9	Xe tải trên 01 tấn đến 1,5 tấn	60,000
10	Xe tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn	70,000
11	Hành khách đi bộ mua vé tháng	50.000
12	Hành khách đi xe đạp mua vé tháng	100.000
13	Hành khách đi xe mô tô, xe gắn máy mua vé tháng	150.000

V. Bến phà Rạch Cừ (từ áp An Khương A, xã An Điền, huyện Thạnh Phú qua áp An Bình 1, xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri; cự ly 2300 mét)

STT	Đối tượng	Mức giá tối đa (đồng/lượt)
1	Hành khách đi bộ	10,000
2	Hành khách đi xe đạp	13,000
3	Hành khách đi xe mô tô, xe gắn máy 02 bánh	20,000
4	Xe mô tô 03 bánh không có chở hàng hóa	30,000
5	Xe mô tô 03 bánh có chở hàng hóa	35,000
6	Xe ô tô 4 - 6 chỗ	50,000
7	Xe ô tô 7 - 9 chỗ	60,000

8	Xe tải 01 tấn	60,000
9	Xe tải trên 01 tấn đến 1,5 tấn	80,000
10	Xe tải trên 1,5 tấn đến 3,5 tấn	100,000
11	Hành khách đi bộ mua vé tháng	50.000
12	Hành khách đi xe đạp mua vé tháng	100.000
13	Hành khách đi xe mô tô, xe gắn máy mua vé tháng	150.000

2. Bãi bỏ một số nội dung tại Phần A Phụ lục II ban hành kèm Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND như sau:

- Bến áp 1 - Sơn Phú tại số thứ tự 5, Mục II Phụ lục II;
- Bến Bao Ngạn áp 5 - Thạnh Phú Đông tại số thứ tự 7, Mục II Phụ lục II;
- Bến Rạch Cừ - An Hòa Tây tại số thứ 9, Mục VI Phụ lục II.

3. Bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đò, phà có trách nhiệm xây dựng phương án giá phù hợp với chi phí thực tế (gồm thuế giá trị gia tăng, bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm hành khách... phương án giá phải tính toán chi tiết cụ thể về chi phí đầu tư bến, đầu tư phương tiện, chi phí vận hành, chi phí trả lương cho người lao động, khấu hao phương tiện...) gửi Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải theo dõi, quản lý trước khi thực hiện”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 6 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Tam